

KIẾN THỨC VỀ CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG NĂM 2022

Nguyễn Thị Như Mai*, Hoàng Thị Thu Hằng*

Nhận bài: 03/08/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 08/10/2022; Chấp nhận đăng: 30/08/2022

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Mục tiêu: Đánh giá kiến thức về biện pháp tránh thai của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Thăng Long năm 2022. Phương pháp: Nghiên cứu trên 248 sinh viên điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư trường Đại học Thăng Long (chọn mẫu toàn bộ) với thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, thông tin thu thập qua bộ câu hỏi kiến thức về biện pháp tránh thai. Kết quả: Có 100% sinh viên biết ít nhất một biện pháp tránh thai, số biện pháp tránh thai trung bình sinh viên biết là $5,8 \pm 1,6$ biện pháp. Trong số 7 biện pháp tránh thai phổ biến thì 3 biện pháp tránh thai được sinh viên biết đến nhiều nhất là bao cao su (100%), thuốc tránh thai (99,2%), dụng cụ tử cung (86,3%). Tỷ lệ sinh viên biết đúng thời điểm cần dùng biện pháp tránh thai (BPTT) là 92,7%, Có 87,1 và 65,3% sinh viên biết đúng về ảnh hưởng của BPTT lên sức khỏe và lên quan hệ tình dục. 26,6% sinh viên có kiến thức đạt về các biện pháp tránh thai. Kết luận: Kiến thức về các BPTT của sinh viên còn thấp, tỷ lệ SV có kiến thức đạt về BPTT là 26,6%

Từ khóa: Kiến thức; biện pháp tránh thai, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một nước có tỉ lệ thanh niên trong cơ cấu dân số cao nhất khu vực Châu Á, trong đó giới trẻ chiếm khoảng 31,5% dân số [1]. Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản, trong đó có nạo phá thai. Theo thống kê của Hội kế hoạch hóa gia đình, Việt Nam là một trong ba nước có tỷ lệ phá thai cao nhất thế giới (1,2- 1,6 triệu ca mỗi năm), trong đó khoảng 20% thuộc lứa tuổi vị thành niên/thanh niên [4]. Một trong những nguyên nhân của thực trạng trên là do kiến thức của vị thành niên/thanh niên về việc sử dụng các biện pháp tránh thai (BPTT) nói riêng chưa đúng, chưa đầy đủ [9]. Theo một số nghiên cứu, kiến thức về các BPTT của vị thành niên/thanh niên Việt Nam còn hạn chế [8].

Chưa có nhiều nghiên cứu về kiến thức về các biện pháp tránh thai trên các sinh viên (SV) y khoa. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu **“Kiến thức về các biện pháp tránh thai của sinh viên điều**

dưỡng trường Đại học Thăng Long năm 2022” với mục tiêu **Đánh giá kiến thức về các biện pháp tránh thai của SV điều dưỡng trường Đại học Thăng Long năm 2022.**

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Sinh viên Điều dưỡng Đại học hệ chính quy từ năm thứ nhất đến năm thứ tư trường Đại học Thăng Long.
- Tiêu chuẩn chọn: SV đồng ý tham gia nghiên cứu
- Tiêu chuẩn loại trừ: SV không đồng ý tham gia nghiên cứu

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Thăng Long
- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2022

2.3. Thiết kế nghiên cứu:

- Mô tả cắt ngang

* Trường Đại học Thăng Long

2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu:

- Cỡ mẫu toàn bộ. Chọn mẫu thuận tiện. Chọn được
- 248 sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn chọn.

2.5. Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu

- Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về các BPTT trên SV (Tham khảo bộ câu hỏi kiến thức, thái độ về BPTT trên SV của tác giả Nguyễn Thanh Phong [7] và chỉnh sửa phù hợp với mục tiêu nghiên cứu) Bộ câu hỏi có 36 câu hỏi về kiến thức phòng tránh thai, tập trung vào các BPTT phù hợp với đối tượng là SV gồm BPTT khẩn cấp, bao cao su (BCS), viên thuốc tránh thai (VTTT) hàng ngày.
- Tiếp cận trực tiếp với sinh viên các khóa học trực tiếp (Hoặc trực tuyến với các khóa chỉ học online), thông báo, giải thích cho SV về mục đích nghiên cứu và đề nghị SV tham gia nghiên cứu. Hướng dẫn sinh viên cách tự điền vào bộ câu hỏi được thiết kế sẵn để thu thập thông tin. (Đối với khóa SV học online, gửi bộ câu hỏi qua link).

2.6. Cách tính điểm và đánh giá:

Mỗi câu trả lời đúng được 1 hoặc 2 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời được 0 điểm. Tổng điểm tối đa là 72 điểm. SV có tổng điểm từ 80% điểm tối đa trở lên ($\geq 57,6$) được đánh giá là có kiến thức đạt, dưới 80% điểm tối đa ($< 57,6$) được đánh giá là có kiến thức đạt (*Phân loại theo tiêu chuẩn Bloom*).

2.7. Đạo đức nghiên cứu:

Nghiên cứu không có nguy cơ làm tổn thương hay vi phạm quyền lợi của đối tượng nghiên cứu.

2.8. Phân tích số liệu:

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0, phân tích mô tả các bảng, biểu thể hiện tần số của các biến nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

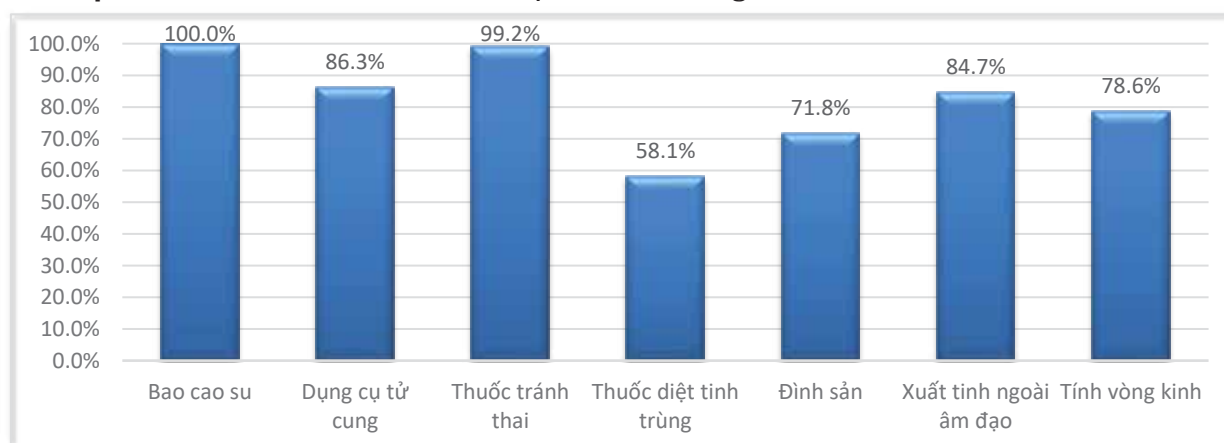
Tổng SV đáp ứng tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu là 248 SV, chủ yếu là SV nữ, chiếm 86,7%; có 75,8% SV từ 20 tuổi trở lên, 56% là SV năm thứ nhất, thứ 2, 44% là SV năm thứ 3, thứ 4.

3.1. Kiến thức chung về các biện pháp tránh thai

Bảng 3.1. Tỷ lệ sinh viên biết các biện pháp tránh thai (n=248)

Thông tin chung	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ %
<i>Biết 1 trong các BPTT</i>	Biết	248	100
<i>Số lượng các BPTT sinh viên biết</i>	≥ 5	193	77,8
	Trung bình $\pm$ SD	5,8 $\pm$ 1,6	

Nhận xét: 100%SV biết ít nhất một BPTT. Trung bình số BPTT SV biết là 5,8 $\pm$ 1,6



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ sinh viên biết các biện pháp tránh thai (n= 248)

Nhận xét: BPTT sinh viên biết đến nhiều nhất là bao cao su (100%), tiếp đến là thuốc tránh thai (99,2%); dụng cụ tử cung (86,3%).

Bảng 3.2. Kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai (n=248)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
<i>Biết khi nào cần dùng các BPTT</i>	230	92,7
<i>Biết đúng ảnh hưởng của sử dụng BPTT đến sức khỏe</i>	216	87,1
<i>Biết đúng ảnh hưởng của sử dụng BPTT đến tình dục</i>	162	65,3
<i>Hậu quả của việc sử dụng BPTT không đúng</i>		
Có thai ngoài ý muốn	237	95,6
Mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs)	222	89,5
Mắc viêm nhiễm đường sinh dục	211	85,1
Lây nhiễm HIV/AIDS	198	79,8
Rối loạn kinh nguyệt	181	73,0

Nhận xét: Tỷ lệ SV biết khi nào dùng BPTT là 92,7%. Có 87,1% SV biết ảnh hưởng của BPTT đến sức khỏe và có lần lượt 95,6%; 89,5%; 85,1%; 79,8% SV biết hậu quả của việc sử dụng BPTT không đúng là có thai ngoài ý muốn; mắc STDs; mắc viêm nhiễm đường sinh dục và lây nhiễm HIV/AIDS.

3.2. Kiến thức về biện pháp tránh thai khẩn cấp

Bảng 3.3. Kiến thức của sinh viên về biện pháp tránh thai khẩn cấp (n=248)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
<i>Tỷ lệ sinh viên biết BPTT khẩn cấp</i>	246	99,2
<i>Những BPTT khẩn cấp tại Việt Nam</i>		
Viên thuốc tránh thai khẩn cấp	238	96
Viên thuốc tránh thai kết hợp	119	48
Dụng cụ tử cung	107	43,1
<i>Khi nào cần dùng BPTT khẩn cấp</i>		
Sau khi quan hệ tình dục không dùng BPTT	147	59,3
Sau khi dùng BPTT thất bại	138	55,6
Sau khi bị cưỡng hiếp	176	71
<i>Biết BPTT khẩn cấp không sử dụng khi có thai</i>	194	78,2
<i>Biết BPTT khẩn cấp không phòng được STDs</i>	192	77,4
<i>Biết tần suất sử dụng VTTT khẩn cấp</i>	212	85,5
<i>Biết thời điểm sử dụng BPTT khẩn cấp</i>	10	4,0
<i>Biết hiệu quả tránh thai của BPTT khẩn cấp</i>	126	50,8
<i>Biết mức độ an toàn của BPTT khẩn cấp</i>	162	65,3
<i>Tác dụng không mong muốn</i>		
Buồn nôn, nôn	188	75,8
Ra máu âm đạo bất thường	170	68,5
Chậm kinh (có thai)	172	69,4
Căng ngực	100	40,3
Nhức đầu, chóng mặt	164	66,1

Nhận xét: Tỷ lệ SV biết BPTT khẩn cấp là 99,2%. Thông tin SV biết tốt nhất là VTTT khẩn cấp (96%), nhưng chỉ 4% SV biết đúng thời điểm sử dụng BPTT khẩn cấp.

3.3. Kiến thức về bao cao su

Bảng 3.4. Kiến thức của sinh viên về bao cao su (n=248)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tỷ lệ sinh viên biết bao cao su	248	100
Các loại BCS		
BCS cho nam giới	240	96,8
BCS cho cả hai giới	186	75
Khi nào cần dùng bao cao su		
Muốn tránh thai tạm thời	227	91,5
Hỗ trợ sau thắt ống dẫn tinh	32	12,9
Hỗ trợ khi quên uống viên thuốc tránh thai	154	62,1
Phòng chống HIV/AIDS	239	96,4
Biết thời điểm sử dụng BCS khi quan hệ tình dục	214	86,3
Biết tần suất sử dụng BCS đối với thanh niên	236	95,2
Biết thông tin không đúng về cách sử dụng BCS	165	66,5
Biết làm gì khi BCS bị rách trong khi sử dụng	134	54
Biết mức độ an toàn của BCS	178	71,8
Biết hiệu quả tránh thai của BCS	172	69,4
Tác dụng không mong muốn của BCS		
Dị ứng	229	92,3
Tuột, rách	237	95,6
Giảm khoái cảm	211	85,1

Nhận xét: Có 100% SV biết BCS; chỉ 75% có BCS cho cả 2 giới, 96,4% và 91,5% SV biết BCS được sử dụng để phòng chống HIV/AIDS và tránh thai tạm thời; 95,2% SV biết tần suất sử dụng BCS đối với thanh niên; 86,3% SV biết thời điểm sử dụng BCS; có 71,8% và 69,4% SV biết mức độ an toàn và hiệu quả của BCS.

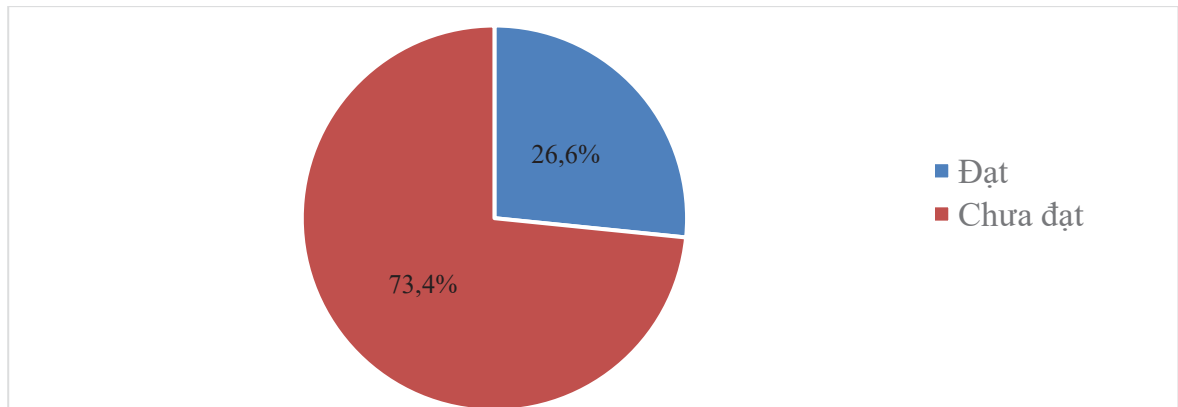
3.4. Kiến thức về thuốc tránh thai hàng ngày

Bảng 3.5. Kiến thức của sinh viên về viên thuốc tránh thai hàng ngày (n=248)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tỷ lệ sinh viên biết VTTT hàng ngày	246	99,2
Những lứa tuổi có thể dùng VTTT hàng ngày		
Vị thành niên	137	55,2
Thanh niên	190	76,6
Trung niên	158	63,7
Tiền mãn kinh và mãn kinh	44	17,7
Khi nào cần dùng thuốc tránh thai hàng ngày		
Muốn tránh thai tạm thời không có chống chỉ định	190	76,6
Muốn tránh thai tạm thời/điều trị bệnh	104	41,9
Biết VTTT hàng ngày không phòng được STDs	175	70,6
Biết VTTT hàng ngày không sử dụng khi có thai	158	63,7
Biết cách sử dụng VTTT hàng ngày	121	48,8

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Biết thời điểm sử dụng VTTT hàng ngày	70	28,2
Biết mức độ an toàn của VTTT hàng ngày	175	70,6
Biết hiệu quả tránh thai của VTTT hàng ngày	117	47,2
Tác dụng không mong muốn		
Buồn nôn, nôn	121	58,5
Cương vú	82	39,6
Đau đầu nhẹ	106	51,2
Ra máu âm đạo nhỏ giọt	63	30,4
Hành kinh ít hoặc không ra máu kinh	98	47,3

Nhận xét: Có 99,2% SV biết VTTT hàng ngày; có lần lượt 76,6%; 63,7%; 55,2% và 17,7% SV biết VTTT được dùng cho thanh niên, trung niên, vị thành niên và tiền mãn kinh, mãn kinh; 76,6% SV biết VTTT được sử dụng khi muốn tránh thai hàng ngày và không có chống chỉ định nhưng chỉ có 48,8% và 28,8% SV biết cách sử dụng, thời điểm sử dụng VTTT hàng ngày 70,6% SV biết VTTT là an toàn.



Biểu đồ 3.2. Mức độ kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai (n=248)

Nhận xét: Có 26,6% sinh viên có kiến thức đạt về các biện pháp tránh thai.

4. Bàn luận

4.1. Kiến thức chung về các biện pháp tránh thai

Kết quả của chúng tôi tại bảng 3.1 cho thấy có 100% SV biết ít nhất một BPTT, số BPTT trung bình SV biết là $5,8 \pm 1,6$. Kết quả của chúng tôi tương tự nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Bắc năm 2020: có 99,8% SV biết ít nhất một BPTT trung bình SV biết là $5,84 \pm 1,7$ [2]. Kết quả của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong năm 2017 (có 93,4% SV biết ít nhất một BPTT, trung bình SV biết $4,03 \pm 2,33$ BPTT) [6] và cao hơn của tác giả Lê Thị Linh (có 94,3% SV biết ít nhất 1 BPTT) [5]. Nghiên cứu của chúng tôi và của Hoàng Thị Bắc đều thực hiện trên các sinh viên điều dưỡng nên SV biết nhiều BPTT là điều dễ

hiểu, còn tác giả Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Thị Linh thực hiện trên các SV không học chuyên ngành y khoa hoặc chỉ có một phần là SV y khoa nên kết quả thấp hơn.

Biểu đồ 3.1 cho thấy, trong số 7 BPTT phổ biến thì 3 BPTT được SV biết đến nhiều nhất là bao cao su (100%), thuốc tránh thai (99,2%), dụng cụ tử cung (86,3%). Tác giả Hoàng Thị Bắc cũng có kết quả tương tự với các tỷ lệ tương ứng lần lượt là 99,4%, 92,6%, 91,7% [2]. Kết quả của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Trương Thị Thúy Hạnh trên SV các trường ở Hà Nội cho thấy các BPTT được SV biết đến nhiều nhất là BCS (99,3%); thuốc tránh thai (96,7%); viên uống tránh thai khẩn cấp (94,7%) [3].

Chúng tôi thấy có 92,7% SV biết đúng thời điểm cần dùng BPTT. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc (94,2%) [2]. Việc hiểu biết về thời điểm cần dùng các BPTT sẽ giúp SV không bỏ qua việc dùng BPTT khi có phát sinh quan hệ tình dục mà không muốn có thai. SV biết ảnh hưởng của việc sử dụng các BPTT đến sức khỏe và sinh hoạt tình dục là tùy thuộc vào từng biện pháp/từng trường hợp chiếm tỷ lệ lần lượt là 87,1% và 65,3%, tương tự với kết quả của Hoàng Thị Bắc (84,8% và 68,3%). Có từ 73% đến 95,6% SV biết các hậu quả của việc sử dụng BPTT, kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc và cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong (từ 32,9% đến 64,7%) [2], [7].

4.2. Kiến thức về biện pháp tránh thai khẩn cấp

Kết quả tại bảng 3.3 cho thấy có 99,2% SV biết BPTT khẩn cấp. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc và của Trương Thị Thúy Hạnh, lần lượt có 96,6% và 94,7% SV được nghe nói đến viên uống tránh thai khẩn cấp [2], [4].

BPTT khẩn cấp được SV biết đến nhiều nhất là VTTT khẩn cấp với tỉ lệ 96%, cao hơn nhiều so với VTTT kết hợp và dụng cụ tử cung (48% và 43,1%) (bảng 3.3). Kết quả này tương tự của tác giả Hoàng Thị Bắc [2]. Điều này dễ hiểu, do hiện nay, tại các hiệu thuốc có bán rất nhiều loại thuốc ngừa thai khẩn cấp, không cần kê đơn, sử dụng dễ dàng.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy SV đã biết một số chỉ định của BPTT khẩn cấp. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Bắc [2]. Đặc biệt, có 16,1% SV chọn ít nhất 1 phương án sai (dùng trước/sau mỗi lần quan hệ tình dục). Kiến thức sai này có thể dẫn đến việc họ dùng BPTT khẩn cấp quá nhiều, gây ra các vấn đề không có lợi cho sức khỏe. Những SV này cần được tuyên truyền về thời điểm dùng BPTT khẩn cấp.

Có 78,2% SV biết BPTT khẩn cấp không được sử dụng khi có thai và có 77,4% SV

biết BPTT khẩn cấp không phòng tránh được STDs. Kết quả này tương tự so với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Bắc [2].

Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy chỉ có 4,0% SV biết đúng thời điểm sử dụng BPTT khẩn cấp là càng sớm càng tốt trong vòng 120 giờ sau quan hệ tình dục. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc chỉ có 3,8% biết sử dụng đúng BPTT khẩn cấp. Trong khi đó vẫn có 14,5% SV không biết nên sử dụng BPTT khẩn cấp với tần suất như thế nào (cao hơn so với Hoàng Thị Bắc với tỉ lệ 13,5%) [2]. Để tránh những tác hại xấu khi uống thuốc tránh thai khẩn cấp, SV cần phải biết sử dụng đúng cách loại thuốc này để đảm bảo an toàn cho cơ thể của mình và tăng hiệu quả phòng tránh thai, nếu để quá lâu hiệu quả phòng tránh thai sẽ giảm.

Chúng tôi cũng thấy có 77,4% SV biết BPTT khẩn cấp không phòng được STDs và chỉ 50,8% SV biết được đúng về hiệu quả của BPTT khẩn cấp nếu sử dụng đúng. Các kết quả này cao hơn so với của tác giả Nguyễn Thanh Phong và Hoàng Thị Bắc [7], [2].

Nghiên cứu cho thấy có 85,5% biết đúng 65,3% SV biết mức độ an toàn của BPTT khẩn cấp; 75,8% SV biết tác dụng phụ của VTTT khẩn cấp là buồn nôn, nôn. Một số các tác dụng phụ khác SV biết là: nhức đầu, chóng mặt (66,1%); ra máu âm đạo bất thường (68,5%); căng ngực (40,3%). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả trong nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc [2].

4.3. Kiến thức về bao cao su

Một trong những BPTT phù hợp, hiện đại phổ biến và được biết đến nhiều nhất với các bạn SV hiện nay là BCS. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 100% SV biết về BCS, trong đó có 96,8% SV biết hiện nay có BCS cho giới nam (tương đồng với nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc [2]). Chúng tôi cũng thấy có 75% SV biết có cả BCS cho nam và nữ. Kết quả này cao hơn so với tác giả Nguyễn Thanh Phong

(49,8%) và thấp hơn của Lê Thị Linh (92,2%) [7], [5].

Tìm hiểu kiến thức của SV về chỉ định của BCS cho thấy có 91,5% SV biết BCS được dùng cho các trường hợp muốn tránh thai tạm thời, có 95,2% SV biết BCS được dùng để phòng tránh STDs; nhưng chỉ có 62,1% và 12,9% SV biết được chỉ định dùng BCS trong trường hợp quên uống thuốc tránh thai và sau khi thất ống dẫn tinh (bảng 3.4). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn của Lê Thị Linh với tỉ lệ SV biết các chỉ định đúng của BCS đều trên 90% [5]. Khác với các BPTT khác chỉ có tác dụng phòng tránh thai, BCS là biện pháp tối ưu trong việc phòng tránh STDs như lậu, giang mai, sùi mào gà, HIV... Vì vậy, biện pháp này được khuyến cáo dùng cho nhiều đối tượng khác nhau trong cộng đồng. Chúng tôi cũng thấy tỉ lệ khá cao SV biết các tác dụng phụ của BCS và có 54% SV biết cách xử trí nếu BCS bị rách trong khi sử dụng.

Có 86,3% SV biết thời điểm sử dụng BCS là trước khi đưa dương vật vào âm đạo. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc (91,1%) [2]. Ngoài ra, có 69,4% SV cho rằng BCS là biện pháp có hiệu quả tránh thai cao và 71,8% SV biết sử dụng BCS là rất an toàn. Có lần lượt 95,6%; 92,3% và 85,1% SV biết một số tác dụng không mong muốn của BCS, tuy nhiên, vẫn còn SV cho rằng sử dụng BCS không an toàn; BCS có hiệu quả tránh thai thấp.

Kiến thức về thuốc tránh thai hàng ngày

Kết quả cho thấy có 99,2% SV biết về VTTT hàng ngày. Kết quả này cao hơn của các tác giả Nguyễn Thanh Phong (69,6%) và Hoàng Thị Bắc (82,2) [7], [2]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 76,7% SV biết VTTT hàng ngày được dùng cho phụ nữ khi muốn tránh thai tạm thời và không có chống chỉ định nhưng chỉ có 41,9% SV biết rằng VTTT hàng ngày còn dùng để điều trị một số bệnh liên quan đến sản phụ khoa. Có lần lượt 76,6%; 63,7%; 55,2% và 17,7% SV biết thuốc tránh thai

được dùng các đối tượng thanh niên, trung niên, vị thành niên và cả tuổi tiền mãn kinh và mãn kinh. Tác dụng không mong muốn khi sử dụng VTTT hàng ngày được SV biết đến là buồn nôn (58,5%), đau đầu nhẹ (51,2%), hành kinh ít hoặc không ra máu (47,3%), cương vú (39,6%), ra máu âm đạo thấm giọt (30,4%). Các kết quả trên đều cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong năm 2017 ở đối tượng sinh viên không học y khoa nhưng thấp hơn khá nhiều so với nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc trên sinh viên điều dưỡng [7], [2]. Như vậy cần bổ sung kiến thức về các nội dung trên cho sinh viên để tăng cường hiểu biết về BPTT này.

Có 28,2% SV biết đúng thời điểm sử dụng VTTT hàng ngày là trong vòng 5 ngày đầu chu kỳ kinh nguyệt và 48,8% SV biết cần uống 1 viên/ngày theo hướng dẫn vào một giờ nhất định. Kết quả SV biết mức độ an toàn của VTTT hàng ngày là 70,6%; biết đúng về hiệu quả tránh thai của VTTT hàng ngày là 47,2%. Chúng tôi thấy có 63,7% SV biết VTTT hàng ngày không được sử dụng cho những phụ nữ có thai và nghi ngờ có thai; 70,6% SV biết VTTT hàng ngày không có khả năng dự phòng mắc STDs. Các kết quả này đều cao hơn so với nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc [2] và cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong [7].

Như vậy, tuy tỉ lệ biết về VTTT hàng ngày rất cao (99,2%) nhưng tỉ lệ sinh viên có câu trả lời đúng về các kiến thức cụ thể về VTTT hàng ngày lại không cao, đều dưới 80%, thậm chí dưới 30% mặc dù trong nghiên cứu có tới gần 50% sinh viên đã học về VTTT hàng ngày trong môn Điều dưỡng sản phụ khoa.

Đánh giá mức độ kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai

Biểu đồ 3.2 cho thấy có 26,6% SV có kiến thức đạt về các BPTT và vẫn còn đến 73,4% SV có kiến thức chưa đạt về các BPTT. Kết quả nghiên cứu phù hợp với kết quả nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc có 29,8% SV có kiến thức đạt về các BPTT [2] và cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong (10,1%) và thấp

hơn của tác giả Lê Thị Linh (68%) [5]. SV hiện nay chưa có kiến thức đầy đủ về BPTT. Vậy nên, việc cung cấp thông tin đầy đủ, chi tiết các nội dung về BPTT là hết sức quan trọng và cần thiết, đi sâu vào chất lượng dạy và học.

5. Kết luận

Kiến thức về các biện pháp tránh thai của sinh viên còn thấp: Tỷ lệ SV có kiến thức đạt về biện pháp tránh thai là 26,6%.

6. Khuyến nghị

Cần tăng cường kiến thức về các biện pháp tránh thai cho sinh viên. Cần nhắc để việc giảng dạy kiến thức về viên thuốc tránh thai hàng ngày trong môn Điều dưỡng sản phụ khoa để sinh viên hiểu và nhớ kiến thức tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo cáo của Đại hội toàn quốc lần thứ IX Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh (2007).
- [2] Hoàng Thị Bắc (2020), Kiến thức, thái độ về các biện pháp tránh thai của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng, Trường Đại học Y Hà Nội.
- [3] Đào Xuân Dũng (2012), Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục dành cho tuổi vị

thành niên, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

[4] Trương Thị Thúy Hạnh (2009), Thực trạng nhận thức, hành vi về tình dục và các biện pháp tránh thai của sinh viên các trường Đại học ở Hà Nội hiện nay, Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5] Lê Thị Linh (2021). Khảo sát kiến thức, thái độ về biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường Đại học trong thành phố Hà Nội, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Y Hà Nội

[6] Nguyễn Thanh Phong (2010). Nghiên cứu kiến thức và thực hành về các biện pháp tránh thai của phụ nữ đến phá thai không mong muốn tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương năm 2009. Tạp chí thông tin Y dược, 06/2010, 22-26.

[7] Nguyễn Thanh Phong (2017). Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường Đại học/Cao đẳng thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp, Luận án Tiến sĩ Y học, Đại học Y Hà Nội

[8] Dương Hồng Phúc và cs. Kiến thức và thái độ về các biện pháp tránh thai thông dụng của sinh viên y khoa năm thứ nhất tại Đại học y dược thành phố Hồ Chí Minh. y học thành phố Hồ Chí Minh. 2014 (18):14-19

[9] Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình và Tổng cục Thống kê (2003). Điều tra quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên (SAVY) lần thứ nhất.